

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành P.

2. Bà Dương T.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Mỹ Đ , sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh V .

2. *Bị đơn:* anh Đỗ Văn S , sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp V, xã V , huyện T , tỉnh A .

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ Đ trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị Đ với anh S tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V , huyện T , tỉnh A và được UBND xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 06/6/2018. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Đỗ Thị Trà M , sinh ngày 01/12/2018 và Đỗ Hải L , sinh ngày 29/9/2020.

Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh S thường xuyên uống rượu và nhiều lần đánh đập chị Đ nên quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù chị Đ đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Chị Đ đang nuôi dưỡng cháu M và cháu L .

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: về hôn nhân, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn S . Về con chung, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Văn S trình bày: anh S với chị Đ tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V , huyện T , tỉnh A vào ngày 06/6/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Đỗ Thị Trà M , sinh ngày 01/12/2018 và Đỗ Hải L , sinh ngày 29/9/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù có xô xát nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Đến tháng 5 năm 2021, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu L . Nay, chị Đ yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con thì anh S có ý kiến như sau: về hôn nhân, anh S đồng ý ly hôn với chị Đ. Về con chung, anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Trà M và đồng ý cho chị Đ tiếp tục nuôi cháu Đỗ Hải L ; không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

+ Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ Đ và anh Đỗ Văn S .

+ Về con chung: giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: chị Đ yêu cầu ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Văn S có địa chỉ tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Mỹ Đ và anh Đỗ Văn S chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 06/6/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh S phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ thấy rằng: chị Đ và anh S chung sống với nhau từ năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Đ cho rằng, anh S không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và nhiều lần đánh đập chị Đ, từ đó bất hòa trong đời sống vợ chồng. Đến tháng 5 năm 2021, chị Đ và anh S sống ly thân cho đến nay. Bị đơn anh Đỗ Văn S cho rằng, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

[2.2] Qua xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của anh S, được đại diện Ban ấp V, xã V, huyện T cung cấp như sau: anh S và chị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A. Mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết rõ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ Đ và anh Đỗ Văn S.

[3] Về quan hệ con chung: chị Đ và anh S có 02 con chung tên Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 01/12/2018 và Đỗ Hải L, sinh ngày 29/9/2020. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con; không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S thì yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Trà M, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu M và cháu L đang sống ổn định với chị Đ. Cháu M và đang học tại Trường Mầm non T, thuộc xã T, huyện V, tỉnh V; cháu Đỗ Hải L dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, đề tạo

điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ ; giao cháu M và cháu L cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Mỹ Đ yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ Đ .

1.1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ Đ và anh Đỗ Văn S .

Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã V , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: chị Đ và anh S có 02 con chung tên Đỗ Thị Trà M , sinh ngày 01/12/2018 và Đỗ Hải L , sinh ngày 29/9/2020.

Giao cháu Đỗ Thị Trà M và cháu Đỗ Hải L cho chị Phạm Thị Mỹ Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu M và cháu L đang sống chung với chị Đ). Anh Đỗ Văn S không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung; không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận chị Đ và anh S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

thì chị Phạm Thị Mỹ Đ với anh Đỗ Văn S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Mỹ Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009404 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (chị Đ đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H